TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 02– 2026
Về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Tô Thành

Ông Phạm Văn Sáu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Tào Diệu Như, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 323/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh ngày 01/01/1976, Căn cước công dân số: 036176014692 cấp ngày 04/8/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Mai Văn V, sinh ngày 01/01/1978. Căn cước công dân số: 095075015514 cấp ngày 10/8/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2025, Biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 12 năm 2025, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày:

Chị Dương Thị N và anh Mai Văn V tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ngày 27/02/2007, chị N và anh V kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay Ủy ban nhân dân V, tỉnh Cà Mau). Trong quá trình chung sống với nhau, chị N và anh V có một người con chung tên Mai Anh T, sinh ngày 01/5/2008 đang sống cùng với chị N. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh V không thể tiếp tục nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị Dương Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Mai Văn V.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Mai Anh T, sinh ngày 01/5/2008. Hiện nay, cháu Mai Anh T đang sống cùng với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Anh T.

Về cấp dưỡng: Chị Dương Thị N không yêu cầu anh Mai Văn V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 01 năm 2026, bị đơn anh Mai Văn V trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị Dương Thị N đối với các vấn đề về hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, anh V có ý kiến như sau: Về hôn nhân: Anh V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Về con chung: Sau khi ly hôn, anh V đồng ý giao cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Anh T, sinh ngày 01/5/2008. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Mai Văn V.

Về con chung: Chị N và anh V có một người con chung tên Mai Anh T, sinh ngày 01/5/2008 đang sống cùng với chị N. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Anh T muốn sống cùng với chị N. Nên sau khi ky hôn, giao cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mai Anh T.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N, anh V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Dương Thị N yêu cầu ly hôn với anh Mai Văn V và hiện nay anh Mai Văn V có nơi cư trú và đang sinh sống tại ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu của đương sự nêu trên nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".

[1.3] Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị N và anh Mai Văn V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị N và anh Mai Văn V là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị N, thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Mai Văn V tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ngày 27/02/2007, chị N và anh V kết hôn trên tinh thần tự nguyện

và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193/2007, quyển số 02, ngày 27/02/2007 nên hôn nhân giữa chị Dương Thị N và anh Mai Văn V là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Dương Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Mai Văn V với lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị N và anh V đã tự chấm dứt quan hệ chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị N và anh V đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 29/01/2026 (Bút lục số 101 -102), Trưởng ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh V hiện nay không còn chung sống với nhau do mâu thuẫn.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: "*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*…"

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, hôn nhân giữa chị N và anh V thực tế đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể giải quyết, cuộc sống chung giữa chị N và anh V đã không còn và không thể duy trì. Điều này cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh V đã không còn có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh V, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân, đồng thời, anh V cũng đồng ý ly hôn với chị N. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Mai Văn V.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, chị N và anh V có một người con chung tên Mai Anh T, sinh ngày 01/5/2008 đang sống cùng với chị N. Ngoài ra, chị N và anh V không còn con chung, con nuôi nào khác.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

Trong vụ án này, chị N và anh V đã thỏa thuận và thống nhất được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cụ thể: Chị N yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mai Anh T và anh V đồng ý giao cháu Mai Anh T cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Hơn nữa, tại thời điểm giải quyết vụ án, cháu Mai Anh T đã đủ 07 tuổi trở lên và tại bản tự khai của cháu Mai Anh T (Bút lục số 32) có nguyện vọng được sống cùng với chị N và hiện nay cháu Mai Anh T cũng đang sống chung với chị N. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu Mai Anh T, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của cháu ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu. Nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, tiếp tục giao cháu Mai Anh T cho chị N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

Anh Mai Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị N và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị N và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị N; Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng do các đương sự thuận tình ly hôn nên được giảm 50% bằng 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Dương Thị N phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) và anh Mai Văn V phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Chị Dương Thị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006325 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu án phí 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) và chị Dương Thị N được

nhận lại 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Mai Văn V.

2. Về con chung: Chị Dương Thị N đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mai Anh T, sinh ngày 01/5/2008 nên được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mai Anh T.

Anh Mai Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Chị Dương Thị N không yêu cầu anh Mai Văn V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Dương Thị N và anh Mai Văn V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Dương Thị N và anh Mai Văn V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng do các đương sự thuận tình ly hôn nên được giảm 50% bằng 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn

đồng). Chị Dương Thị N phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) và anh Mai Văn V phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Chị Dương Thị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006325 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu án phí 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) và chị Dương Thị N được nhận lại 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Anh